

THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ThS.Nguyễn Như Triển - Trung tâm Nghiên cứu kinh tế miền Nam

Với giới hạn của tham luận, bài viết tập trung đi sâu đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế (GDP) theo ngành vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL), đồng thời phân tích và đưa ra một số nhận định, định hướng, một số khâu đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ĐBSCL.

1. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long

Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành vùng ĐBSCL từ năm 2005 đến nay được phân tích dựa trên số liệu tổng hợp từ Niên giám thống kê đến năm 2012 của 13 tỉnh/thành vùng ĐBSCL (Long An, Tiền Giang, Trà Vinh, Bến Tre, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, TP.Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau). Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành được phân tích theo 03 hướng:

(1) theo 03 khu vực: Khu vực I (Nông-lâm-thủy sản), Khu vực II (Công nghiệp-xây dựng) và Khu vực III (Dịch vụ);

(2) theo ngành Nông nghiệp (Nông-lâm-thủy sản) và Phi nông nghiệp (gồm Công nghiệp-xây dựng và Dịch vụ);

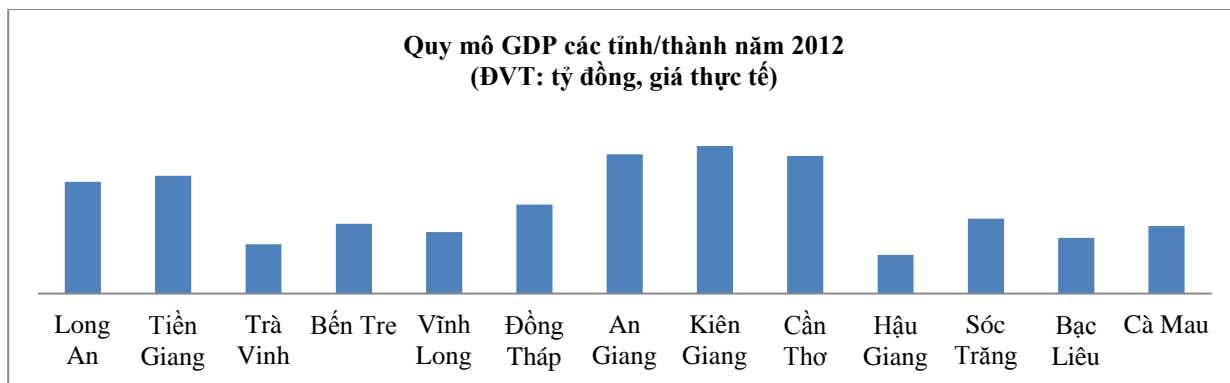
(3) theo ngành Sản xuất (gồm Nông-lâm-thủy sản và Công nghiệp-xây dựng) và Phi sản xuất (Dịch vụ);

Biểu giá trị và cơ cấu tổng sản phẩm (GDP) vùng ĐBSCL đến năm 2012 theo giá thực tế (hiện hành)

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2010		Năm 2012	
	Giá trị (Tỷ đ)	Cơ cấu (%)	Giá trị (Tỷ đ)	Cơ cấu (%)	Giá trị (Tỷ đ)	Cơ cấu (%)
a-Tổng giá trị GDP	141.742	100,0	375.585	100,0	546.167	100,0
1-Phân theo 3 khu vực:						
- Nông, lâm, thủy sản (KVI)	66.625	47,0	149.151	39,7	202.083	37,0
- Công nghiệp và x.dựng (KVII)	31.269	22,1	97.416	25,9	142.280	26,1
- Dịch vụ (KVIII)	43.848	30,9	129.018	34,4	201.804	36,9
2-Theo n/nghiệp-phi n/nghiệp:						
- Nông nghiệp (nông, lâm, thủy)	66.625	47,0	149.151	39,7	202.083	37,0
- Phi nông nghiệp	75.117	53,0	226.434	60,3	344.084	63,0
3-Theo sản xuất-phi sản xuất:						
- Sản xuất	97.894	69,1	246.567	65,6	344.363	63,1
- Phi sản xuất (dịch vụ)	43.848	30,9	129.018	34,4	201.804	36,9

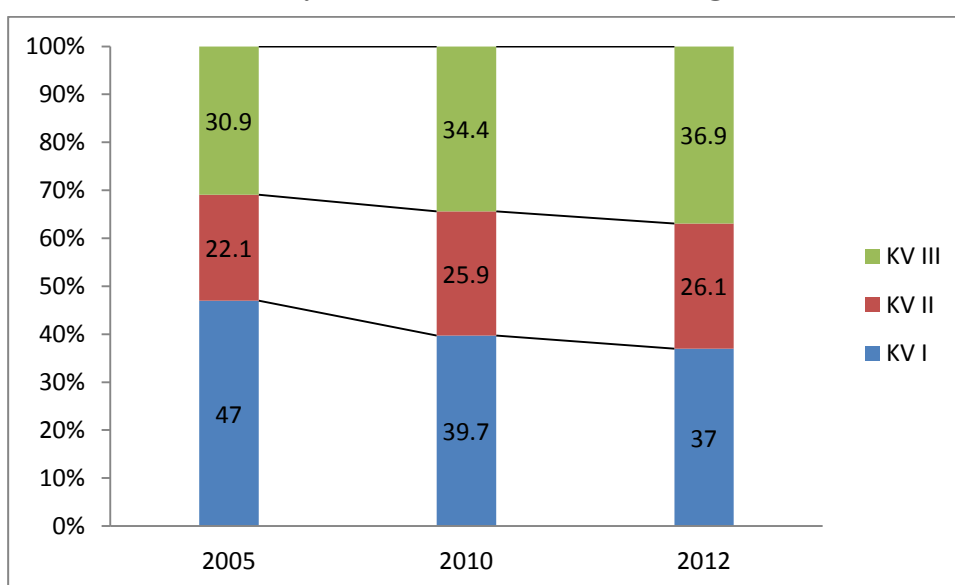
* Nguồn: Niên giám thống kê các tỉnh/thành ĐBSCL các năm.

Qui mô GDP (theo giá thực tế) năm 2012 vùng ĐBSCL đạt 546.167 tỷ đồng, trong đó: Cao nhất là Kiên Giang chiếm 12,7% và thấp nhất là Hậu Giang chiếm 3,3%.

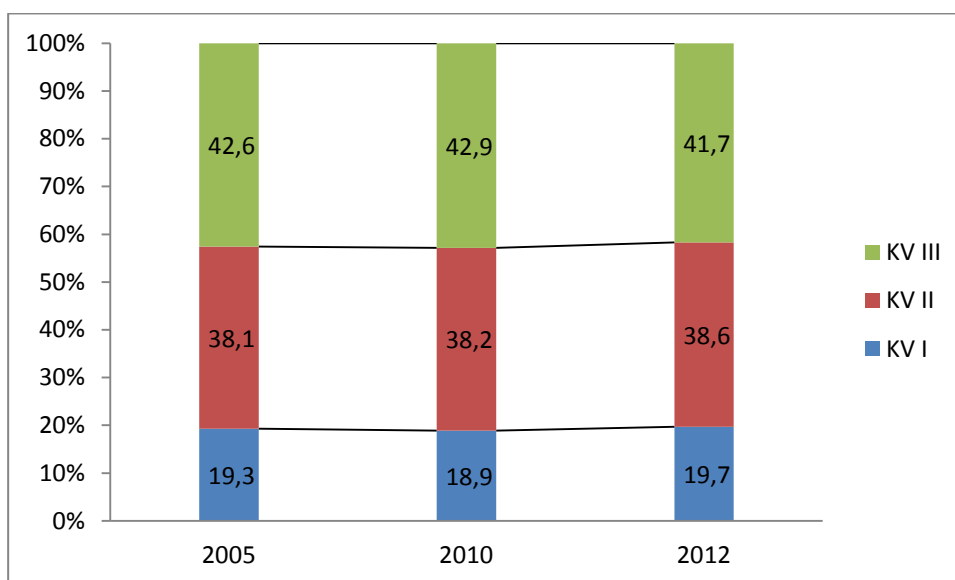


Năm 2012, tổng giá trị sản phẩm GDP (giá thực tế) vùng ĐBSCL đạt 546.167 tỷ đồng (chiếm 16,8% GDP cả nước), trong đó: Nông-lâm-thủy sản đạt 202.083 tỷ đồng (chiếm 31,7% cả nước), công nghiệp-xây dựng đạt 142.280 tỷ đồng (chiếm gần 11,3% cả nước) và dịch vụ đạt 201.804 tỷ đồng (chiếm 14,9% cả nước).

Biểu đồ chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ĐBSCL



Biểu đồ chuyển dịch cơ cấu kinh tế cả nước



Nếu chỉ xét giai đoạn từ 2005-2010 thì cơ cấu GDP của ĐBSCL chuyển dịch nhanh hơn so với cả nước: Cả nước, năm 2005 có cơ cấu (KVI 19,3% - KVII 38,1% - KVIII 42,6%), đến năm 2010 chuyển dịch rất ít (KVI 18,9% - KVII 38,2% - KVIII 42,9%).

ĐBSCL, năm 2005 có cơ cấu (KVI 47,0% - KVII 22,1% - KVIII 30,9%), đến năm 2010 cơ cấu chuyển dịch là (KVI 39,7% - KVII 25,9% - KVIII 34,4%). Như vậy, trong vòng 5 năm, ĐBSCL có tỷ trọng Khu vực nông-lâm-thủy sản giảm -7,3 điểm % (cả nước chỉ giảm -0,4 điểm %); Khu vực công nghiệp-xây dựng tăng +3,8 điểm % (cả nước chỉ tăng +0,1 điểm %); Khu vực dịch vụ tăng +3,5 điểm % (cả nước chỉ tăng +0,3 điểm %).

2. Một số nhận định

(1) Cơ cấu kinh tế theo ngành vùng ĐBSCL đã có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông-lâm-thủy sản và tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp-xây dựng và dịch vụ. Đến năm 2012, tỷ trọng ngành sản xuất tới 63,1%, gần gấp 2 lần phi sản xuất. Nếu so sánh 3 khu vực thì tỷ trọng nông-lâm-thủy sản giảm nhanh, tỷ trọng dịch vụ có xu hướng tăng mạnh, đây là một xu hướng phát triển đúng hướng hiện đại.

(2) Khu vực nông-lâm-thủy sản vùng ĐBSCL phát triển với tốc độ cao, liên tục, đã góp phần quan trọng giữ vững ổn định kinh tế - xã hội của vùng và cả nước. Trong giai đoạn 2005-2010, khu vực nông-lâm-thủy sản toàn vùng tăng nhanh 5,6%/năm (theo giá so sánh, có tính còn tăng rất mạnh như Kiên Giang 7,2%/năm); Tỷ trọng GDP khu vực I giảm từ 47,0% (năm 2005) xuống còn 39,7% (năm 2010), đây là sự chuyển dịch đúng hướng và cho thấy tiềm năng nông-lâm-thủy sản của ĐBSCL còn rất lớn, nếu tập trung xây dựng một nền nông nghiệp hiện đại (điện khí hoá, cơ giới hoá, thủy lợi hoá, sinh học hoá) sẽ góp phần rất lớn trong phát triển kinh tế toàn vùng và cả nước.

Sản phẩm lúa gạo và thủy sản của vùng ĐBSCL đang có tính cạnh tranh mạnh trên thị trường thế giới; chăn nuôi tính cạnh tranh còn thấp, xuất khẩu khó khăn; các loại sản phẩm khác như cây ăn trái và cây hàng năm khác đang có xu thế vươn lên để cạnh tranh. Vùng ĐBSCL là vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thủy sản của cả nước, nông nghiệp luôn giữ vai trò vị trí rất quan trọng, vì thế cần tiếp tục coi trọng phát triển nông nghiệp trong giai đoạn tới để ngành nông nghiệp tạo việc làm và mang lại thu nhập khá cho đông đảo nông dân và đưa nông thôn của vùng thực sự phát triển trở thành thị trường lớn cho công nghiệp và dịch vụ đô thị.

Trong thời gian tới cần tập trung khai thác tiềm năng thủy sản vùng ĐBSCL, với diện tích khả năng cho nuôi trồng thủy sản mặn, lợ của vùng khoảng 890 ngàn ha (chiếm 89% toàn quốc) và diện tích nuôi trồng thủy sản nước ngọt khoảng 480 ngàn ha (chiếm 52% toàn quốc). Đã xuất hiện và nhân rộng nhiều mô hình nuôi trồng thủy sản có quy mô lớn và năng suất cao như nuôi tôm công nghiệp, nuôi cá tra, cá ba sa, mô hình nuôi tôm trên cơ sở liên kết giữa người có đất, nhà kỹ thuật, ngân hàng với các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy hải sản. Tuy nhiên, tăng sản lượng vẫn dựa chủ yếu vào tăng diện tích nuôi, điều đó đã ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Với việc chưa đảm bảo về con giống, về công tác vệ sinh phòng bệnh cũng như việc phát triển nuôi trồng ô ạt không theo quy hoạch (cá tra, cá ba sa, tôm...) đã dẫn đến việc mất mùa, giá cả không ổn định, gây nhiều thiệt hại cho người nuôi trồng.

Trong thời gian tới, ngành nông-lâm-thủy sản cần tập trung giải quyết các mặt tồn tại, hạn chế:

- Việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông lâm nghiệp nhìn chung còn chậm, chủ yếu mang tính tự phát và manh mún.

- Sản xuất kém ổn định, phụ thuộc nhiều vào biến động của thị trường, chất lượng sản phẩm thấp, giá thành còn cao, kém cạnh tranh nên giá bán thấp, hiệu quả kinh doanh chưa cao.

- Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp - nông thôn của vùng tuy từng bước được tăng cường, nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất và đời sống.

(3) Trong giai đoạn 2005-2010, GDP khu vực Công nghiệp-xây dựng vùng ĐBSCL phát triển với tốc độ cao 18,0%/năm (cả nước khoảng 8%), tỷ trọng tăng từ 22,1% (năm 2005) lên 25,9% (năm 2010), đến năm 2012 đạt 142.280 tỷ đồng chiếm 26,1% toàn vùng.

Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu ở ĐBSCL gồm có: chế biến gạo, chế biến thủy sản, chế biến rau quả, chế biến thức ăn chăn nuôi, hàng dệt may, da giày xuất khẩu, sản xuất dược phẩm, gốm sứ xuất khẩu,... Các sản phẩm công nghiệp vùng đều có nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu lớn: gạo, thủy sản, thức ăn thủy sản, dược phẩm,... Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng là gạo, thủy hải sản đông lạnh, hàng may mặc, trong đó thủy sản được xem là ngành kinh tế mũi nhọn, chiếm đến 50% sản lượng thủy sản và đã đóng góp khá lớn vào tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn vùng năm 2012 đạt khoảng 12 tỷ USD, chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước.

Nhìn chung, cấu trúc ngành nghề của khu, CCN đa dạng như: các ngành CN nhẹ, hàng tiêu dùng, thực phẩm, đồ uống, thức ăn gia súc (chiếm hơn 50% tổng số); ngành dệt may, da giày sử dụng nhiều lao động; khai thác, chế biến từ nguyên liệu nông-lâm-thủy sản; tỷ lệ xuất khẩu cao nhưng chủ yếu là gia công, giá trị gia tăng thấp; các dự án có quy mô vốn lớn, công nghệ hiện đại chiếm khoảng 5-6% (vật liệu xây dựng, cơ khí, đúc, đúc, ...); rất ít DN đầu tư vào các ngành công nghệ cao như điện, điện tử, vật liệu mới.

Tiềm lực khoa học-công nghệ ở hầu hết các tỉnh/thành trong vùng còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động ứng dụng, chuyển giao KH&CN ở các địa phương. Cơ sở vật chất kỹ thuật của các doanh nghiệp ở các địa phương còn yếu kém; các cơ quan nghiên cứu, chuyển giao KH&CN không nhiều; mạng lưới thông tin KH&CN của vùng chưa phát triển; hoạt động xã hội hoá KH&CN, thị trường công nghệ chưa phát triển,... Để đáp ứng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng của công nghiệp, trong thời gian tới cần tập trung đổi mới khoa học-công nghệ, đặc biệt là công nghệ chế biến thủy sản, lương thực, thực phẩm; đồng thời đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực để giảm tỷ lệ gia công và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp.

(4) Đến năm 2012, GDP khu vực Dịch vụ vùng ĐBSCL đạt 201.804 tỷ đồng chiếm tới gần 36,9% toàn vùng, tốc độ phát triển đạt 15,4% giai đoạn 2005-2010 (cả nước là 7,8%). Tỷ trọng tăng từ 30,9% (năm 2005) lên 34,4% (năm 2010), đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế toàn vùng và định hướng phát triển theo hướng hiện đại.

Để tạo đà cho các ngành Dịch vụ phát triển, ĐBSCL cần hình thành nền kinh tế mở trên cơ sở phát huy mạnh mẽ hơn nữa các nguồn lực, tiềm năng của vùng, đồng thời mở rộng quan hệ kinh tế với bên ngoài, mà trước hết là với vùng Đông Nam Bộ, cũng như các nước trong khu vực trong mối quan hệ hợp tác và cạnh tranh. Phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, các chợ biên giới quan trọng. Thúc đẩy giao lưu, trao đổi thương mại giữa các tỉnh vùng biên của Việt Nam và Campuchia.

3. Định hướng chuyển dịch cơ cấu

(1) Từ thực trạng và nhận định nêu trên, hướng chuyển đổi cơ cấu của vùng ĐBSCL theo hướng CNH thời gian tới sẽ là, *ngoài phấn đấu tăng mạnh dịch vụ và công nghiệp, cần nhằm vào mục tiêu tạo ra được một nền nông nghiệp hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ mới, nâng cao năng suất cây trồng, đẩy mạnh việc ứng dụng «4 hoá» một cách phổ biến, chứ không đơn thuần là giảm tỷ trọng GDP nông-lâm-thủy sản xuống.*

(2) *Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp - phi nông nghiệp*: Thay đổi cơ bản cơ cấu nông nghiệp và phi nông nghiệp, phát triển nhanh các ngành phi nông nghiệp (công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ) theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn để thu hút lao động, nâng cao mức sống nhân dân. Nông nghiệp tiếp tục

có sự tăng trưởng và phát triển mới về chất, nhưng tỷ trọng trong cơ cấu GDP sẽ tiếp tục giảm xuống.

(3) *Chuyển dịch cơ cấu sản xuất – phi sản xuất (dịch vụ)* : Phát triển mạnh các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống, trong đó chú trọng các dịch vụ: du lịch, thương mại; dịch vụ bưu chính viễn thông, vận tải, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chuyển giao công nghệ,... theo hướng hiện đại, chất lượng cao.

4. Các khâu đột phá, trọng điểm trong phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long

4.1 Các ngành, lĩnh vực ưu tiên.

(1) Đầu tư xây dựng mạng lưới các tuyến trục giao thông hiện đại bao gồm:

- Hoàn thành 5 trục dọc chính nối Đồng bằng sông Cửu Long với Đông Nam Bộ, gồm: quốc lộ 1A, đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau, tuyến N2, tuyến N1 và tuyến ven biển (quốc lộ 50 + quốc lộ 60). Hai trục ngang cao tốc nội vùng: Sóc Trăng - Cần Thơ - Châu Đốc, Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu (sau năm 2020).

- Xây dựng luồng tàu mới vào sông Hậu qua kênh Quan Chánh Bó gắn với việc mở rộng nâng cấp cụm cảng Cần Thơ - cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực. Nghiên cứu xây dựng cảng biển nước sâu ngoài khơi để tiếp nhận tàu trọng tải lớn phục vụ cho xuất-nhập khẩu vùng ĐBSCL.

- Hoàn thành xây dựng sân bay Dương Tơ (Phú Quốc), mở rộng sân bay quốc tế Trà Nóc (Cần Thơ).

- Nâng cấp, hoàn thành đưa vào cấp kỹ thuật, đảm bảo chạy tàu 24/24 h các tuyến đường thủy chủ yếu từ Thành phố Hồ Chí Minh đi miền Tây Nam Bộ. Nâng cấp tuyến duyên hải Thành phố Hồ Chí Minh - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng - Cà Mau.

(2) Nâng cấp, hoàn thiện mạng lưới thủy lợi, ưu tiên các công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, khu vực trồng cây ăn trái quy mô lớn. Xây dựng các đập ven cửa sông để giữ nước ngọt, ngăn xâm nhập mặn.

(3) Phát triển nhanh giáo dục, đào tạo, dạy nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của vùng để đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.

(4) Đẩy mạnh phát triển khoa học - công nghệ, đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nhất là trong các lĩnh vực thủy sản và nông nghiệp. Tập trung phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch vào sản xuất để chuyển dịch mạnh cơ cấu sản xuất hàng hoá gắn với công nghiệp chế biến, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và giá trị sản xuất trên một ha đất canh tác.

4.2 Hình thành các lãnh thổ trọng điểm (ưu tiên phát triển)

(1) Hình thành và phát triển vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Vùng KTTĐ vùng Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục là trung tâm lớn về sản xuất lúa gạo, nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản, có đóng góp lớn vào xuất khẩu nông thủy sản của cả nước. Ngoài ra, vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long còn đóng vai trò quan trọng trong chuyển giao công nghệ sinh học, cung cấp giống, các dịch vụ kỹ thuật, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp cho cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long là trung tâm năng lượng lớn của cả nước với ba trung tâm điện lực Ô Môn, Cà Mau, Kiên Lương với tổng công suất khoảng 9.000 MW và cung cấp khí đốt từ các mỏ khí Tây Nam. Dự kiến xây dựng nhà máy lọc dầu Cần Thơ, phát triển cơ khí đóng tàu, công nghệ thông tin...

(2) Xây dựng thành phố Cần Thơ thực sự trở thành đô thị trung tâm vùng, đi đầu

trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa quy mô dân số của thành phố lên 2 triệu dân. Là trung tâm dịch vụ (giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, thương mại...) - du lịch lớn của vùng và cả nước.

(3) Từng bước xây dựng Phú Quốc trở thành trung tâm du lịch sinh thái chất lượng cao, trung tâm giao thương lớn của vùng, cả nước và khu vực. Tập trung xây dựng dải ven biển (hành lang ven biển phía Nam) từ Cà Mau đến Hà Tiên trở thành vùng lãnh thổ động lực mới của vùng và cả nước. Hiện nay Phú Quốc đang được nghiên cứu trở thành đơn vị hành chính đặc biệt trực thuộc Trung ương, có các cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút đầu tư.

(4) Phát triển các khu kinh tế ven biển: khu kinh tế Định An (Trà Vinh), khu kinh tế Năm Căn (Cà Mau); các khu kinh tế cửa khẩu Long An, Đồng Tháp, An Giang (Tỉnh Biên, Vĩnh Xương, Khánh Bình), Hà Tiên.

Các tài liệu tham khảo trong bài viết:

- 1/ Niên giám thống kê cả nước đến năm 2012 của Tổng cục thống kê.
- 2/ Niên giám thống kê đến năm 2012 của các tỉnh/thành vùng ĐBSCL.
- 3/ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long do Viện Chiến lược phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 19/07/2012.